

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vũ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Lý Văn Thành D, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Số nhà 2/2 ấp PLP, xã PK, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Số nhà 2/2 ấp PLP, xã PK, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lý Văn Thành D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng có trình bày:

Anh và chị Dương Thị T sống chung với nhau vào năm 1987, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của họ hàng hai bên, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Lý Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/1991 và Lý Văn Thành D, sinh ngày 10/7/1993. Anh yêu cầu Tòa án

không công nhân anh và chị Dương Thị T là vợ chồng, vì trong thời gian chung sống do tính tình không hợp nhau, nên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

- Về con chung: Lý Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/1991 và Lý Văn Thành D, sinh ngày 10/7/1993 hiện đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Dương Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng có trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh Lý Văn Thành D về thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung và nợ chung như anh D trình bày là đúng. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mất hạnh phúc là do cả hai bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn lại được, hai bên đã sống ly thân.

Anh Lý Văn Thành D yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng thì chị đồng ý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Lý Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/1991 và Lý Văn Thành D, sinh ngày 10/7/1993 hiện cả hai con đã trưởng thành niên, nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Lý Văn Thành D vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” bị đơn chị Dương Thị T có nơi cư trú tại ấp Phú Long Phụng B, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lý Văn Thành D và bị đơn chị Dương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không

có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do việc sống chung không mang lại hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T đã không còn tiếp tục sống chung với nhau, chị Trúc cũng đã đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh D, nên yêu cầu không công nhận anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về con chung: Lý Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/1991 và Lý Văn Thành D, sinh ngày 10/7/1993 hiện đã trưởng thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T trình bày không có, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T trình bày không có, nên không xem xét.

[7] Anh Lý Văn Thành D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn Thành D. Không công nhận anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T là vợ chồng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do không yêu cầu, nên không xem xét.

2. Về con chung: Lý Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/1991 và Lý Văn Thành D, sinh ngày 10/7/1993 hiện đã trưởng thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T trình bày không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Lý Văn Thành D và chị Dương Thị T trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lý Văn Thành D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006963 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Phú Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương